

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2024/DS-PT

Ngày 15 - 01 - 2024

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Thanh Bình.

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2023/TLPT-DS ngày 08/11/2023 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 907/2023/QĐ-PT ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Cù Hiếu P**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: **số E, Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Võ Trọng**

**K** - **Đoàn luật sư Thành phố H** (có mặt).

- Bị đơn:

1. **Thái Thị Bé B**, sinh năm 1964 (có mặt);

2. **Thái Thị Kim L**, sinh năm 1968 (có mặt);

3. **Thái Phương Y**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.**

4. **Thái Thị T**, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: **số A, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.**

5. **Thái Thanh P1**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Thái Thị P2, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: số F, T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Thái Thị Bé B.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Cù Hiếu P trình bày:

Bà là người đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với phần đất diện tích 17,9m<sup>2</sup>, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, tại số D, đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS01171 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/8/2016.

Nguồn gốc của nhà và đất nêu trên là do bà nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 07/9/2015, số công chứng 1319, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD. Do nhà chưa được cấp quyền sở hữu nên các bên làm cam kết thêm về căn nhà cùng ngày 07/9/2015.

Sau khi nhận chuyển nhượng, do bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y có hoàn cảnh khó khăn nên xin bà ở nhờ một thời gian và kéo dài cho đến nay. Nay bà cần nhà để sử dụng nên bà yêu cầu bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y phải thu dọn đồ dùng cá nhân và giao trả lại nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 17,9m<sup>2</sup>, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, tại số D, đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS01171 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/8/2016 cho bà.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2 và Thái Phương Y đã được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Thái Thị Bé B và Thái Thị Kim L thống nhất trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2015, Giấy viết tay với nội dung “Giấy nhận tiền” và Giấy cam kết ngày 07/9/2015. Năm 2015, bị đơn vay của chồng nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất là 250.000 đồng/ngày. Khi vay tiền, ông M đã yêu cầu bị đơn ký hợp đồng chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, tại số D, đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà P. Bị đơn đã trả tiền lãi cho ông M hơn 03 năm, bị đơn không có

chứng cứ chứng minh đã trả tiền lãi. Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid nên gia đình bà không có tiền đóng tiền lãi. Hiện nay gia đình bà rất khó khăn, không còn chỗ ở nào khác. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền vốn, xin không trả lãi và xin trả dần cho đến khi đủ tiền vốn thì đề nghị nguyên đơn hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 2 khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 201, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 169, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Cù Hiếu P**.

Buộc bà **Thái Thị Bé B**, **Thái Thị T**, **Thái Thanh P1**, **Thái Thị P2**, **Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** có nghĩa vụ di dời đồ dùng cá nhân giao cho bà **Cù Hiếu P** căn nhà cột gỗ, vách tường riêng cộng 02 vách nhờ, mái tole, gác gỗ suốt nền gạch, có trần có khu phụ diện tích 17,9m<sup>2</sup> và gác có diện tích 17,9m<sup>2</sup>; nhà gắn với quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, có diện tích 17,9m<sup>2</sup> loại đất ở tại **số D đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS01171 ngày 17/8/2016.

2. Về án phí:

**Hoàn** lại cho bà **Cù Hiếu P** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0023612 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Buộc bà **Thái Thị Bé B**, **Thái Thị T**, **Thái Thanh P1**, **Thái Thị P2**, **Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà **Thái Thị Bé B**, **Thái Thị T**, **Thái Thanh P1**, **Thái Thị P2**, **Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** có nghĩa vụ trả cho bà **Cù Hiếu P** số tiền là 4.900.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 30/8/2023, bị đơn bà **Thái Thị Bé B** có đơn kháng cáo yêu cầu: Xác định hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất tại **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** giữa bà với bà **Cù Hiếu P** là hợp đồng giả cách; bà có nợ bà **P** số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng; bà đồng ý trả cho bà **P** 04 năm tiền lãi là

120.000.000 đồng và tiền vốn 50.000.000 đồng, tổng cộng 170.000.000 đồng; yêu cầu được trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà **Thái Thị Bé B** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà **Cù Hiếu P** không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà **Thái Thị Bé B**, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà, đất tranh chấp, các bị đơn trả cho nguyên đơn bà **Cù Hiếu P** số tiền 170.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn **Thái Phương Y** vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà **Thái Thị Bé B**; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà **Cù Hiếu P** xác định: Ngày 07/9/2015 giữa bà với các bị đơn bà **Thái Thị Bé B**, **Thái Thị T**, anh **Thái Thanh P1**, **Thái Thị P2**, **Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, diện tích 17,9m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất tại **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; hợp đồng được công chứng tại **Phòng C1** tỉnh Tiền Giang ngày 07/9/2015, số công chứng 1319, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD (Bút lục 114, 115); hai bên thỏa thuận chuyển nhượng nhà và đất giá 50.000.000 đồng, bà đã giao đủ tiền theo “Giấy nhận tiền” ngày 07/9/2015 (Bút lục 113). Do nhà chưa được cấp quyền sở hữu nên hai bên còn ký kết Giấy cam kết ngày 07/9/2015 (Bút lục 109) và Văn bản thỏa thuận ngày 11/5/2021 (Bút lục 110). Bà đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số

vào sổ CS01171 ngày 17/8/2016. Bà đã cho các bị đơn ở nhờ tại nhà và đất tranh chấp từ đó cho đến nay.

Bị đơn **Thái Thị Bé B** và bà **Thái Thị Kim L** thừa nhận có ký tên trong các văn bản nêu trên (Bút lục 122, 123); nhưng cho rằng: ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn M** – chồng của bà **Cù Hiếu P** để vay của ông **M** số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 250.000 đồng/ngày. Các bị đơn đã trả lãi cho bà **P**, ông **M** từ năm 2015 đến năm 2018.

Bà **Thái Thị Bé B** cho rằng: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hợp đồng giả cách, bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2015 và các Giấy cam kết ngày 07/9/2015 (Bút lục 109) và Văn bản thỏa thuận ngày 11/5/2021.

Xét thấy: Bị đơn bà **Thái Thị Bé B**, bà **Thái Thị Kim L** và bà **Cù Hiếu P** thống nhất xác định: chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 07/9/2015 là của các bị đơn **Thái Thị Bé B**, **Thái Thị T**, **Thái Thanh P1**, **Thái Thị P2**, **Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y**. Bị đơn bà **Thái Thị Bé B** thừa nhận có nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng do bà **Cù Hiếu P** giao, có ký tên trong Giấy nhận tiền ngày 07/9/2015 (Bút lục 123). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2015 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn, phù hợp với quy định tại các Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 167, Điều 168, khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013. Và bà **Cù Hiếu P** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS01171 ngày 17/8/2016 theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Mặc dù, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS01171 ngày 17/8/2016 cấp cho bà **P** không thể hiện có tài sản là căn nhà trên đất nhưng các bên đã làm văn bản thỏa thuận chuyển nhượng cả nhà xây trên thửa đất số 94.

Bà **Thái Thị B1** Ba không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2015 là hợp đồng giả cách, nhằm che giấu hợp đồng vay được giao kết giữa bà với bà **P**, ông **M** – chồng của bà **P** và đã trả lãi cho bà **P**, ông **Nguyễn Văn M** – chồng của bà **P** từ năm 2015 đến năm 2018; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có giao kết hợp đồng vay với bà **P**. Bà **Cù Hiếu P** không thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng đã giao cho bà **B1** Ba là tiền vay và cũng không thừa nhận có nhận tiền lãi do các bị đơn trả từ năm 2015 đến năm 2018, mà xác định là tiền chuyển nhượng nhà và đất tại **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp như sau: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2015; Hủy Giấy cam kết ngày 07/9/2015 và Văn bản thỏa



thuận ngày 11/5/2021; các bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn bà **P** số tiền 170.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật; sau khi nhận đủ tiền do các bị đơn trả thì bà **P** có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với nhà đất tranh chấp tại **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** cho các bị đơn đứng tên. Xét thấy: việc thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà **Thái Thị B1** Ba không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Thái Thị Bé B.**

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2 khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 201, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 169, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQ ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, diện tích 17,9m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất tại **số D, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; được công chứng tại **Phòng C1** tỉnh Tiền Giang ngày 07/9/2015, số công chứng 1319, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD;

- Hủy Giấy cam kết ngày 07/9/2015 và Văn bản thỏa thuận ngày 11/5/2021.

Bà **Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** có nghĩa vụ trả cho bà **Cù Hiếu P** số tiền 170.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi bà **Cù Hiếu P** đã nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng do các bị đơn trả thì bà **Cù Hiếu P** có nghĩa vụ cùng với các bị đơn bà **Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L** và **Thái Phương Y** liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất

thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, có diện tích 17,9m<sup>2</sup> loại đất ở tại số D đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các bị đơn đứng tên.

- Các bị đơn bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y có quyền liên hệ cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04, có diện tích 17,9m<sup>2</sup> loại đất ở tại số D đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y có nghĩa vụ trả cho bà Cù Hiếu P số tiền là 4.9000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho bà Cù Hiếu P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0023612 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Bà Thái Thị Bé B, Thái Thị T, Thái Thanh P1, Thái Thị P2, Thái Thị Kim L và Thái Phương Y phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thái Thị B1 Ba không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà Thái Thị Bé B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024248 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 09 giờ 20 phút ngày 15/01/2024, có mặt: bà P, bà Bé B, bà L, bà T, bà P2, ông P1.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND Tp.M;
  - CCTHADS Tp.M;
  - Đăng công thông tin điện tử;
  - Các đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**